TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 11 - 2019
V/v "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Mai Tấn Đẩu**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Danh Chung**

2. Ông **Danh Sang**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:* Ông **Trang Minh Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành-Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 284/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2019 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N,** sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp PT, xã MT B, huyện CT, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Liêu Minh L,** sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp MT, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:***

Vào năm 2011, chị và anh Liêu Minh L tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã MT B, huyện

Châu TT, tỉnh KG. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc và rất yêu thương nhau. Nhưng đến năm 2013 thì giữa chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Đến nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa chị Lê Thị N có ý kiến:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Liêu Minh L.
- Về việc nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các ý kiến của anh Liêu Minh L: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn anh Luân nhiều lần theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý hồ sơ, quá trình giải quyết và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; Về nội dung vụ án: xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị N là có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Lê Thị N yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Liêu Minh L. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn*".

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn Liêu Minh L đã được Tòa án triệu tập, tống đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật. Nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh L theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Liêu Minh L.

[4] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị N cho rằng vào năm 2011, chị và anh Liêu Minh L tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã MT B, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn dù vợ chồng dã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, đến năm 2016 thì ly thân từ đó cho đến nay. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2016 cho đến nay chị và anh L đã sống ly thân cho đến nay, không có liên hệ với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa chị N cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh L. Do đó việc xin ly hôn của chị N đối với anh L là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Liêu Minh L.

[5] - Về quan hệ con chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

[6] - Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[7] - Về nợ chung vợ chồng: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[8] - Về ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên ghi nhận để xem xét.

[9] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Lê Thị N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ

thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005062 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 57; Điều 80; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị N đối với bị đơn anh Liêu Minh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị N được ly hôn đối với bị đơn anh Liêu Minh L.

2.Về quan hệ con chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung vợ chồng: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005062 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mai Tấn Đẩu